

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ-CTCP  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN  
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 41 /ĐNB-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2023.

V/v: Công bố thông tin Báo cáo tài chính  
đã kiểm toán năm 2022.

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ kính gửi Quý cơ quan thông tin sau:

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSE.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
4. Điện thoại: 028.35 111 999 Fax: 028. 35 111 666.
5. Người thực hiện công bố thông tin: ông Lê Đức Thuận – Giám đốc Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ được lập ngày 28/02/2023, bao gồm:
  - Báo cáo của Ban Giám đốc.
  - Báo cáo kiểm toán độc lập.
  - Bảng cân đối kế toán.
  - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
  - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
  - Thuyết minh báo cáo tài chính.
7. Nội dung giải trình:

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 giảm và chênh lệch hơn 10% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 do:

- Tổng sản lượng phân bón kinh doanh năm 2022 thực hiện giảm 13,61 % so với cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận gộp các mặt hàng phân bón và dịch vụ thực hiện năm 2022 giảm 29,58 % so với cùng kỳ năm trước.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty: <http://www.pse.vn/>



Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, GĐ, BKS (để b/c);
- Ban biên tập website (để đăng tin);
- Lưu VT, TCHC, HM.03.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Lê Đức Thuận**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
ĐÔNG NAM BỘ**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

0100  
C  
KI  
DE  
VI  
ÔNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các Ủy viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Đức Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Ủy viên

##### Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Văn Chương	Phó Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 16 tháng 9 năm 2022)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Đức Thuận  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Số: 0580/VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 03 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Hoàng Lan Hương**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0898-2023-001-1  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 28 tháng 02 năm 2023  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Hoàng Lê Thu Phương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5603-2020-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>293.415.890.948</b>	<b>303.610.040.422</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	39.125.014.106	66.847.472.426
1. Tiền	111		29.125.014.106	66.847.472.426
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.648.070.860	47.034.221.289
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	115.705.665.233	14.003.411.734
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	30.437.117.956	32.430.809.555
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.505.287.671	600.000.000
III. Hàng tồn kho	140	7	103.272.667.856	189.606.028.542
1. Hàng tồn kho	141		110.296.493.100	189.606.028.542
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.023.825.244)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.370.138.126	122.318.165
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	91.261.154	122.318.165
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	3.278.876.972	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.848.323.251</b>	<b>20.755.559.879</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		150.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		18.621.489.116	19.152.535.500
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.978.077.429	3.079.147.405
- Nguyên giá	222		35.877.787.714	36.102.834.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.899.710.285)	(33.023.686.638)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	15.643.411.687	16.073.388.095
- Nguyên giá	228		20.207.827.000	20.207.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.564.415.313)	(4.134.438.905)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.076.834.135	1.603.024.379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2.076.834.135	1.603.024.379
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>314.264.214.199</b>	<b>324.365.600.301</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>138.939.500.640</b>	<b>134.842.144.868</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.096.527.140</b>	<b>134.842.144.868</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	56.684.561.505	73.929.875.497
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	38.485.624.300	34.782.610.365
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	431.405.998	7.437.237.014
4. Phải trả người lao động	314		8.151.712.215	7.096.609.926
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		71.670.601	181.236.113
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	28.441.384.677	2.742.529.307
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.830.167.844	8.672.046.646
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>842.973.500</b>	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	842.973.500	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>175.324.713.559</b>	<b>189.523.455.433</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>175.324.713.559</b>	<b>189.523.455.433</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.787.129.314	15.787.129.314
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.537.584.245	48.736.326.119
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		17.486.326.119	5.386.667.519
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		17.051.258.126	43.349.658.600
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>314.264.214.199</b>	<b>324.365.600.301</b>



Trần Hữu Long  
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Đạt  
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận  
Giám đốc


Ngày 28 tháng 02 năm 2023





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	3.788.592.183.914	3.127.775.700.442
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	39.318.576.638	26.800.995.691
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	3.749.273.607.276	3.100.974.704.751
4. Giá vốn hàng bán	11	19	3.666.089.336.492	2.982.852.725.968
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		83.184.270.784	118.121.978.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		408.499.197	300.761.206
7. Chi phí tài chính	22		988.153.468	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		928.533.468	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	43.342.354.924	39.514.307.260
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	21.355.281.768	20.530.190.228
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+25+26))	30		17.906.979.821	58.378.242.501
11. Thu nhập khác	31	22	8.932.648.869	11.891.102.598
12. Chi phí khác	32		12.537.037	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.920.111.832	11.891.102.598
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.827.091.653	70.269.345.099
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	5.513.018.995	14.304.239.547
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		21.314.072.658	55.965.105.552
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.364	3.468

  
Trần Hữu Long  
Người lập biểu

  
Nguyễn Xuân Đạt  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.827.091.653	70.269.345.099
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.918.905.420	3.134.355.554
Các khoản dự phòng	03	7.023.825.244	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(780.408.288)	(300.761.206)
Chi phí lãi vay	06	928.533.468	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.917.947.497	73.102.939.447
Thay đổi các khoản phải thu	09	(104.039.438.872)	67.223.340.231
Thay đổi hàng tồn kho	10	79.309.535.442	(129.730.761.776)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.206.446.980)	25.879.788.033
Thay đổi chi phí trả trước	12	(442.752.745)	(107.862.421)
Tiền lãi vay đã trả	14	(928.533.468)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.652.869.941)	(8.612.944.262)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.104.693.334)	(5.249.743.332)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.147.252.401)	22.504.755.920
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.387.859.036)	(108.900.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	371.909.091	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	405.211.526	300.761.206
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(610.738.419)	191.861.206
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.964.467.500)	(8.629.788.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.964.467.500)	(8.629.788.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(27.722.458.320)	14.066.828.626
Tiền đầu năm	60	66.847.472.426	52.780.643.800
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	39.125.014.106	66.847.472.426

  
Trần Hữu Long  
Người lập biểu

  
Nguyễn Xuân Đạt  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Giám đốc



Ngày 28 tháng 02 năm 2023

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 18 tháng 03 năm 2015 với mã chứng khoán là PSE.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") nắm giữ 75% vốn điều lệ. Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 62 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 63 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistics.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 10
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 9

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy tính, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất vô thời hạn. Giá trị phần mềm máy tính và giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn; phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính là 8 năm.

#### **Thuê hoạt động**

##### *Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Công ty là bên đi thuê*

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sử dụng tài sản. Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở xuống. Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, biển hiệu đại lý và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	5.300.451	22.904.996
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.119.713.655	66.824.567.430
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	-
	<b>39.125.014.106</b>	<b>66.847.472.426</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất 6%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	59.139.170.671	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	24.957.337.700	-
Công ty TNHH Như Linh	6.528.701.988	-
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Tân Trí Phát	6.113.150.000	1.561.558.025
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.737.701.682	3.882.497.136
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Khoa	3.678.000.000	3.735.518.985
Công ty TNHH Đăng Việt Phụng	1.698.814.500	1.764.968.100
Các khách hàng khác	8.852.788.692	3.058.869.488
	<b>115.705.665.233</b>	<b>14.003.411.734</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<b>4.737.701.682</b>	<b>3.951.784.086</b>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	27.401.037.458	31.514.709.555
Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	1.715.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.320.580.498	916.100.000
	<b>30.437.117.956</b>	<b>32.430.809.555</b>
<b>Trong đó:</b>		
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<b>27.401.037.458</b>	<b>31.514.709.555</b>

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ dụng cụ	737.611.428	-	880.000.000	-
Hàng hoá	109.558.881.672	(7.023.825.244)	188.726.028.542	-
	<b>110.296.493.100</b>	<b>(7.023.825.244)</b>	<b>189.606.028.542</b>	<b>-</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 7.023.825.244 VND (năm 2021: 0 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện được của một số hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đang thấp hơn giá gốc.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	57.364.627	2.318.165
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	33.896.527	120.000.000
	<b>91.261.154</b>	<b>122.318.165</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	575.439.342	566.903.082
- Chi phí biến hiệu đại lý	166.413.927	589.010.147
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.334.980.866	447.111.150
	<b>2.076.834.135</b>	<b>1.603.024.379</b>



9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	28.200.720.133	128.128.000	5.732.107.310	2.041.878.600	36.102.834.043
Tăng trong năm	-	-	1.221.759.036	166.100.000	1.387.859.036
Giảm trong năm	-	-	(1.612.905.365)	-	(1.612.905.365)
Số dư cuối năm	28.200.720.133	128.128.000	5.340.960.981	2.207.978.600	35.877.787.714
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	25.971.372.291	128.128.000	5.076.733.921	1.847.452.426	33.023.686.638
Khấu hao trong năm	1.148.709.668	-	246.757.921	93.461.423	1.488.929.012
Giảm trong năm	-	-	(1.612.905.365)	-	(1.612.905.365)
Số dư cuối năm	27.120.081.959	128.128.000	3.710.586.477	1.940.913.849	32.899.710.285
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	2.229.347.842	-	655.373.389	194.426.174	3.079.147.405
Tại ngày cuối năm	1.080.638.174	-	1.630.374.504	267.064.751	2.978.077.429

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 21.638.211.462 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 23.170.255.827 VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư cuối năm và đầu năm	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	4.079.188.905	55.250.000	4.134.438.905
Khấu hao trong năm	429.976.408	-	429.976.408
Số dư cuối năm	4.509.165.313	55.250.000	4.564.415.313
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	16.073.388.095	-	16.073.388.095
Tại ngày cuối năm	15.643.411.687	-	15.643.411.687

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 55.250.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 55.250.000 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	52.321.800.000	69.417.743.430
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Quảng cáo Mỹ Việt	984.907.512	-
Các nhà cung cấp khác	3.377.853.993	4.512.132.067
	<b>56.684.561.505</b>	<b>73.929.875.497</b>
<b>Trong đó:</b>		
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<b>52.386.033.000</b>	<b>69.469.993.430</b>

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	24.205.652.205	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Trí Phát	5.030.702.300	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Khoa	3.643.521.415	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hoàn Thiện	3.058.925.625	3.480.000.000
Công ty TNHH Một Ủy viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	-	18.124.074.799
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	-	6.415.272.954
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	-	3.026.479.590
Các khách hàng khác	2.546.822.755	3.736.783.022
	<b>38.485.624.300</b>	<b>34.782.610.365</b>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.278.876.972	3.278.876.972
	-	-	<b>3.278.876.972</b>	<b>3.278.876.972</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	96.042.322	518.185.209	487.924.994	126.302.537
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.860.973.974	5.513.018.995	12.373.992.969	-
Thuế thu nhập cá nhân	480.220.718	2.545.028.465	2.720.145.722	305.103.461
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>7.437.237.014</b>	<b>8.579.232.669</b>	<b>15.585.063.685</b>	<b>431.405.998</b>

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức phải trả	25.278.630.600	993.098.100
Phải trả, phải nộp khác	3.017.209.077	1.749.431.207
Nhận ký quỹ, ký cược	145.545.000	-
	<b>28.441.384.677</b>	<b>2.742.529.307</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Phải trả khác các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<b>25.985.580.000</b>	<b>1.350.000.000</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	842.973.500	-
	<b>842.973.500</b>	-

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>15.787.129.314</b>	<b>14.136.667.519</b>	<b>154.923.796.833</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	55.965.105.552	55.965.105.552
Trích từ lợi nhuận	-	-	(12.615.446.952)	(12.615.446.952)
Chia cổ tức	-	-	(8.750.000.000)	(8.750.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>15.787.129.314</b>	<b>48.736.326.119</b>	<b>189.523.455.433</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.314.072.658	21.314.072.658
Trích từ lợi nhuận (i)	-	-	(4.262.814.532)	(4.262.814.532)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(31.250.000.000)	(31.250.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>15.787.129.314</b>	<b>34.537.584.245</b>	<b>175.324.713.559</b>

- (i) Trong năm, Công ty đã tiến hành tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi từ 20% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 47/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 tương ứng với số tiền là 4.262.814.532 VND.
- (ii) Theo Nghị quyết số 115/NQ-ĐNB ngày 26 tháng 10 năm 2022, Công ty sẽ chi trả cổ tức năm 2021 cho Cổ đông Công ty với mức 25%/mệnh giá (2.500 đồng/cổ phiếu) theo Danh sách cổ đông chốt ngày 10 tháng 11 năm 2022. Theo đó, cổ tức năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 31.250.000.000 VND. Cổ tức đã chi trả trong năm 2022 là 6.964.467.500 VND.

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.500.000</i>	<i>12.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.500.000</i>	<i>12.500.000</i>

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	75%
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	25%
	<b>125.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tài sản thuê ngoài**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	3.600.000.000	3.600.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	10.500.000.000	14.100.000.000

**Hàng hoá nhận giữ hộ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nhận giữ hộ hàng hóa là phân bón các loại của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các đại lý với số lượng 14.960,6 tấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 7.765 tấn).

**17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu phân bón	3.762.022.610.250	3.115.715.635.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.569.573.664	12.060.065.442
	<b>3.788.592.183.914</b>	<b>3.127.775.700.442</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	<b>16.620.013.509</b>	<b>32.430.133.882</b>
Chiết khấu thương mại	39.318.576.638	26.800.995.691
	<b>39.318.576.638</b>	<b>26.800.995.691</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.749.273.607.276</b>	<b>3.100.974.704.751</b>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phân bón	3.641.680.974.466	2.971.791.547.774
Giá vốn cung cấp dịch vụ	24.408.362.026	11.061.178.194
	<b>3.666.089.336.492</b>	<b>2.982.852.725.968</b>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.175.442.785	1.161.492.925
Chi phí nhân công	27.395.075.665	28.961.686.703
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.918.905.420	3.134.355.554
Trích lập dự phòng	7.023.825.244	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.518.719.755	27.938.294.053
Chi phí khác bằng tiền	14.097.855.093	11.954.448.052
	<b>96.129.823.962</b>	<b>73.150.277.287</b>



21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	15.391.793.678	16.033.446.172
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.175.442.785	1.011.340.157
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.449.431.096	2.757.940.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.021.226.645	8.781.246.646
Các khoản chi phí bán hàng khác	12.304.460.720	10.930.334.086
	<b>43.342.354.924</b>	<b>39.514.307.260</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	9.982.940.392	11.493.098.219
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.474.324	376.415.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.109.472.679	7.486.409.920
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.793.394.373	1.174.266.734
	<b>21.355.281.768</b>	<b>20.530.190.228</b>

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hàng được biếu tặng	8.478.007.378	9.095.931.700
Khác	454.641.491	2.795.170.898
	<b>8.932.648.869</b>	<b>11.891.102.598</b>

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.513.018.995	14.203.775.547
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	100.464.000
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.513.018.995</b>	<b>14.304.239.547</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	26.827.091.653	70.269.345.099
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	738.003.323	749.532.638
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	738.003.323	749.532.638
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	27.565.094.976	71.018.877.737
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>5.513.018.995</b>	<b>14.203.775.547</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

#### 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	21.314.072.658	55.965.105.552
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(4.262.814.532)	(12.615.446.952)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	17.051.258.126	43.349.658.600
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	12.500.000	12.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.364</b>	<b>3.468</b>

#### 25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

##### Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng - Tòa nhà PVFCCo SBD Building theo hợp đồng thuê văn phòng với đơn giá thuê được 300.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 12 năm 2021 đến ngày 01 tháng 12 năm 2026.

#### 26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

##### Danh sách các bên liên quan

##### Bên liên quan

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung  
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết,  
đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

##### Mối quan hệ

Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Cùng Công ty mẹ  
Các đơn vị cùng Tập đoàn



*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng</b>	<b>16.620.013.509</b>	<b>32.430.133.882</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	16.620.013.509	10.738.264.882
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	12.816.569.000
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	-	8.875.300.000
<b>Mua hàng</b>	<b>3.305.759.617.500</b>	<b>2.825.354.018.065</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.305.147.617.500	2.801.596.040.165
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	612.000.000	14.541.045.000
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	-	8.660.575.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP. HCM	-	507.886.400
Mua hàng từ công ty liên quan khác	-	48.471.500
<b>Nhận chiết khấu thương mại</b>	<b>50.172.004.903</b>	<b>14.150.792.555</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	50.172.004.903	14.150.792.555
<b>Nhận hàng khuyến mại</b>	<b>8.478.007.378</b>	<b>9.095.931.700</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.478.007.378	9.095.931.700
<b>Chia cổ tức</b>	<b>23.437.500.000</b>	<b>6.562.500.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	23.437.500.000	6.562.500.000

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>4.737.701.682</b>	<b>3.951.784.086</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.737.701.682	3.882.497.136
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	69.286.950
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>27.401.037.458</b>	<b>31.514.709.555</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	27.401.037.458	31.514.709.555
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>52.386.033.000</b>	<b>69.469.993.430</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	52.321.800.000	69.417.743.430
Khác	64.233.000	52.250.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>25.985.580.000</b>	<b>1.350.000.000</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	25.985.580.000	1.350.000.000


Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạm Hùng - Chủ tịch HĐQT	1.090.778.702	975.918.678
Lê Đức Thuận - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.090.778.702	975.918.678
Nguyễn Tiến Sỹ - Phó Giám đốc	988.384.230	917.560.794
Trịnh Văn Chương - Phó Giám đốc	741.428.209	874.103.515
Nguyễn Quang Tuấn - Ủy viên HĐQT	48.000.000	24.000.000
Đặng Hữu Thắng - Ủy viên HĐQT	-	24.000.000
Lê Quang Thành - Ủy viên HĐQT	-	24.000.000
	<b>3.959.369.843</b>	<b>3.815.501.665</b>

27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 25.278.630.600 VND (2021: 993.098.100 VND), là số cổ tức chia cho các chủ sở hữu trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

  
Trần Hữu Long  
Người lập biểu

  
Nguyễn Xuân Đạt  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Thuận  
Giám đốc



Ngày 28 tháng 02 năm 2023

